

Số: 22/2019/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2019

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:

<http://quangbinhjsc.com.vn/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2019
- Công văn giải trình



PHẠM THỊ NGỌC NINH



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.054.050.706.369	973.554.889.169
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.234.613.477	24.337.271.891
1. Tiền	111		10.234.613.477	24.337.271.891
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	10.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.013.566.747.165	846.822.737.614
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	851.696.580.775	732.715.666.375
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	168.434.809.998	112.327.218.292
2. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
2. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.243.291.055	18.675.606.238
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11.807.934.663)	(16.895.753.291)
IV. Hàng tồn kho	140	10	16.636.713.051	81.237.668.703
1. Hàng tồn kho	141		16.636.713.051	81.237.668.703
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.612.632.676	11.157.210.961
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	79.617.666	10.989.395.001
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.532.976.479	167.815.960
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	38.531	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		794.732.378.077	977.003.356.327
II. Tài sản cố định	220		236.686.672.364	344.657.180.234
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	154.285.022.364	255.358.780.153
- Nguyên giá	222		181.230.007.167	305.226.057.043
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.944.984.803)	(49.867.276.890)
2. Tài sản cố định vô hình	227		82.401.650.000	89.298.400.081
- Nguyên giá	228		82.401.650.000	89.347.927.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(49.527.828)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	1.012.612.182	2.993.965.222
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.012.612.182	2.993.965.222
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	259.029.122.367	330.064.637.803
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		107.871.426.667	107.373.624.546
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		233.503.969.597	234.503.969.597
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(82.346.273.897)	(11.812.956.340)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		298.003.971.164	299.287.573.068
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	290.397.721.868	299.287.573.068
2. Lợi thế thương mại	269		7.606.249.296	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.848.783.084.446	1.950.558.245.496

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.073.081.619.027	1.062.442.908.405
I. Nợ ngắn hạn	310		911.652.979.957	768.765.123.132
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	379.337.280.725	193.010.747.295
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	209.046.481.346	181.686.420.640
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	43.872.819	3.873.963.970
4. Phải trả người lao động	314		183.164.655	328.209.559
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	430.663.937
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.073.985.273	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	158.071.002	122.322.984
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	311.033.900.000	384.364.029.550
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	4.948.765.197
II. Nợ dài hạn	330		161.428.639.070	293.677.785.273
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	158.502.716.561	289.603.800.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	a	2.925.922.509	4.073.985.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		775.701.465.419	888.115.337.091
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	775.701.465.419	888.115.337.091
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	9.761.921.400
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.239.627.521	186.277.279.890
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		177.625.177.166	126.972.001.096
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(108.385.549.645)	59.305.278.794
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		719.208.601	2.025.955.801
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.848.783.084.446	1.950.558.245.496

Bùi Thái Huyền
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
			VND	VND	VND	VND
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(64.002.696.048)	(110.251.017.923)	27.699.484.520	56.175.224.498
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	726.401.143	1.840.791.975	4.409.097.843	4.409.097.843
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		820.281.265	2.847.699.620	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(65.549.378.456)	(114.939.508.618)	23.290.386.677	51.766.126.655
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(65.766.115.069)	(112.935.173.949)	23.299.905.865	51.775.645.843
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		216.736.613	(2.004.334.609)	(9.519.188)	(9.519.188)

Nguyễn Thị Ngọc

Bùi Thái Huyền
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc



Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(110.251.017.023)	56.175.224.498
5. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		(13.130.919.613)	18.437.420.749
- Các khoản dự phòng	03		65.445.498.929	(62.256.288.458)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		9.942.738.800	(6.848.738.996)
- Chi phí lãi vay	06		24.951.415.949	52.086.333.558
11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(23.042.282.958)	57.593.951.351
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(181.069.061.883)	36.263.699.706
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.902.674.695	28.445.137.244
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		223.391.877.187	(22.894.198.083)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		32.739.724.939	(3.175.418.272)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.382.079.886)	(52.086.333.558)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.299.716.456)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.241.135.638	44.146.838.388
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(25.494.614.736)	(18.435.363.837)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.272.727.273	3.245.818.182
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	24.302.799.478
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		188.100.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		309.586.288	6.848.738.996
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		164.187.698.825	14.961.992.819
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		300.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		10.228.999.886	129.658.385.618
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(215.034.852.875)	(233.071.707.929)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(204.525.852.989)	(103.413.322.311)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(14.097.018.526)	(44.304.491.104)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.337.271.891	64.283.124.830
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.639.888)	(9.515.556)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>10.234.613.477</u>	<u>19.969.118.170</u>

Bùi Thái Huyền
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc Tập đoàn**Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 02 Công ty
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2019 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Hải Phòng	98,63%	98,63%	Dịch vụ cảng
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	Hải Phòng	54,00%	54,00%	Dịch vụ cảng

Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2019 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Hà Nội	36,29%	36,29%	Thương mại hóa chất sản xuất phân

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng lại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn

Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư trước đây được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 40 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |

0200
ÔNG
Ổ PH
NHẬP
NG B
7-TP.

402

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

7308
C TY
I AN
KH AU
INH
H AI PH

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	6.224.197.408	1.333.991.662
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.010.416.069	23.003.280.229
	10.234.613.477	24.337.271.891

736
GT
HÀ
PK
BINE
HÀ

4/2

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư ngắn hạn
Tiền gửi có kỳ hạn

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	105.881.626.363	107.871.426.667	-	105.881.626.363	107.373.624.546	-
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	105.881.626.363	107.871.426.667	-	105.881.626.363	107.373.624.546	-
Đầu tư vào đơn vị khác	233.503.969.597	151.157.695.700	(82.346.273.897)	234.503.969.597	222.691.013.257	(11.812.956.340)
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	-	-	-	1.000.000.000	608.885.557	(391.114.443)
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	233.503.969.597	151.157.695.700	(82.346.273.897)	233.503.969.597	222.082.127.700	(11.421.841.897)
	339.385.595.960	259.029.122.367	(82.346.273.897)	340.385.595.960	330.064.637.803	(11.812.956.340)

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: xem chi tiết tại Thuyết minh số 31.

PHÒNG
AU
76 878.0

442

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thủy	98.307.839.272	96.304.016.189
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú	47.575.714.588	141.040.914.588
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	282.001.099.004	183.984.157.749
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	403.114.949.791	192.700.798.791
Công ty SW Intertrade Trading	-	51.950.867.729
Các khoản phải thu khách hàng khác	20.696.978.120	66.734.911.329
	851.696.580.775	732.715.666.375

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	76.627.633.691	-	59.765.883.691	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Việt Đức	-	-	13.261.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phân bón Lào Cai	72.018.000.000	-	14.750.000	-
Trả trước khác	19.789.176.307	(2.232.912.956)	39.285.584.601	(2.270.120.856)
	168.434.809.998	(2.232.912.956)	112.327.218.292	(2.270.120.856)

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	291.863.014	-	437.299.058	-
Tạm ứng	-	-	443.242.534	-
Ký cược, ký quỹ	4.665.000.000	-	17.562.088.000	-
Phải thu khác	286.428.041	-	232.976.646	-
	5.243.291.055	-	18.675.606.238	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.800.000	-	19.705.961.678	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	140.348.678	-
Chi phí sản xuất kinh	-	-	6.143.272.198	-
Thành phẩm	-	-	30.863.582.167	-
Hàng hoá	16.634.913.051	-	24.384.503.982	-
	16.636.713.051	-	81.237.668.703	-

11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.012.612.182	2.993.965.222
Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	868.862.182	868.862.182
Dự án Kho ngoại quan Đình Vũ	143.750.000	2.125.103.040
	1.012.612.182	2.993.965.222



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2019	204.998.661.033	69.290.112.891	26.944.195.481	3.593.087.638	-	-	305.226.057.043
Mua sắm	-	4.112.069.372	8.038.080.072	152.120.000	-	-	12.302.269.444
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.470.301.969	-	6.703.396.363	-	-	-	15.173.698.332
Tăng khác	72.912.000	-	-	-	-	-	72.912.000
Tăng do góp vốn doanh nghiệp khác	-	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.500.760.000)	-	-	-	(2.500.760.000)
Giảm do thanh lý khoản đầu tư	(67.706.400.129)	(72.606.476.542)	(6.668.412.910)	(2.062.880.071)	-	-	(149.044.169.652)
Tại ngày 30/09/2019	145.835.474.873	795.705.721	32.516.499.006	2.682.327.567	-	-	181.230.007.167
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2019	30.957.893.518	9.158.479.862	8.289.280.105	1.461.623.405	-	-	49.867.276.890
Trích khấu hao	8.345.688.156	2.278.401.506	2.217.963.770	288.866.181	-	-	13.130.919.613
Tăng khác	8.663.200	-	-	-	-	-	8.663.200
Tăng do góp vốn doanh nghiệp khác	-	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.479.616.317)	-	-	-	(1.479.616.317)
Giảm khác	(19.969.165.166)	(10.987.592.723)	(2.763.318.609)	(862.182.085)	-	-	(34.582.258.583)
Tại ngày 30/09/2019	19.343.079.708	449.288.645	6.264.308.949	888.307.501	-	-	26.944.984.803
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2019	174.040.767.515	60.131.633.029	18.654.915.376	2.531.464.233	-	-	255.358.780.153
Tại ngày 30/09/2019	126.492.395.165	346.417.076	26.252.190.057	1.194.020.066	-	-	154.285.022.364

200
ÔNG
PH
HẬP
NG BỊ
P.T

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	-	7.770.752.676
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	137.175.480
Công cụ dụng cụ xuất dùng	79.617.666	2.287.292.583
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	794.174.262
	79.617.666	10.989.395.001
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	287.015.940.833	280.063.064.273
Chi phí thuê đất tại Thủy Nguyên, Hải Phòng	-	6.621.555.172
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	2.346.303.484	8.421.969.494
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.700.044.096
Công cụ dụng cụ xuất dùng	86.331.466	1.482.920.206
Chi phí trả trước dài hạn khác	949.146.085	998.019.827
	290.397.721.868	299.287.573.068

14 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong kỳ	7.606.249.296	-
	7.606.249.296	-

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương	278.771.972.567	278.771.972.567	159.911.682.567	159.911.682.567
Fagro International Trading Fze	-	-	12.357.170.476	12.357.170.476
Công ty CP Đầu tư AFC	-	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Việt Đức	76.432.950.000	76.432.950.000	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	24.132.358.158	24.132.358.158	20.741.894.252	20.741.894.252
	379.337.280.725	379.337.280.725	193.010.747.295	193.010.747.295

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ông Bùi Tổ Minh (Tiền đặt cọc mua cổ phần Vinachimex) ⁽¹⁾	85.511.700.000	85.511.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More	94.000.000.000	94.000.000.000
Công ty SW Intertrade Trading	29.533.936.546	-
Người mua ứng tiền trước khác	844.800	2.174.720.640
	209.046.481.346	181.686.420.640

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	32.067.352	92.295.184
Bảo hiểm xã hội	13.687.380	-
Bảo hiểm y tế	2.415.420	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.073.520	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	108.827.330	30.027.800
	158.071.002	122.322.984

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hẹ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thể và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong kỳ		30/09/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>	359.962.989.550	359.962.989.550	720.000.000	61.625.689.550	299.057.300.000	299.057.300.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	185.800.000.000	185.800.000.000	-	7.000.000.000	178.800.000.000	178.800.000.000
- Chi nhánh Thủ Đức						
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000
- CN Bắc Hải Phòng						
- Ngân hàng TMCP Phát triển	49.500.000.000	49.500.000.000	-	49.500.000.000	-	-
thành phố Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng						
- Ngân hàng TMCP Việt Nam	2.966.400.000	2.966.400.000	-	2.709.100.000	257.300.000	257.300.000
Thịnh Vượng (Vpbank) - Chi nhánh Hải Phòng						
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hải Phòng	-	-	720.000.000	720.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	1.696.589.550	1.696.589.550	-	1.696.589.550	-	-

020
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
NG-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong kỳ		30/09/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	24.401.040.000	24.401.040.000	0	12.424.440.000	11.976.600.000	11.976.600.000
	374.640.000	374.640.000	-	374.640.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	23.880.000.000	23.880.000.000	-	11.940.000.000	11.940.000.000	11.940.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng	146.400.000	146.400.000	-	109.800.000	36.600.000	36.600.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	-	-	-	-	-	-
	384.364.029.550	384.364.029.550	720.000.000	74.050.129.550	311.033.900.000	311.033.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong kỳ		30/09/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	140.000.000.000	140.000.000.000	-	140.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng	374.640.000	374.640.000	-	374.640.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	149.420.000.000	149.420.000.000	-	-	149.420.000.000	149.420.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng	183.800.000	183.800.000	-	-	183.800.000	183.800.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	-	-	9.508.999.886	610.083.325	8.898.916.561	8.898.916.561
	289.978.440.000	289.978.440.000	9.508.999.886	140.984.723.325	158.502.716.561	158.502.716.561

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019						
Tại ngày 01/01/2019	693.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	186.277.279.890	2.025.955.801	888.115.337.091
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	(112.935.173.949)	(2.004.334.669)	(114.939.508.618)
Phân phối lợi nhuận	-	-	5.930.527.897	(8.895.791.837)	-	(2.965.263.940)
Tăng khác	-	-	-	4.793.313.417	-	4.793.313.417
Giảm do thanh lý khoản đầu tư công ty con	-	-	-	-	697.587.469	697.587.469
Tại ngày 30/09/2019	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	69.239.627.521	719.208.601	775.701.465.419

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHCD ngày 20 tháng 04 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	59.305.278.974
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	5.930.527.897
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	2.965.263.940
Lợi nhuận chưa phân phối	85,00%	50.409.487.155

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/09/2019 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2019 VND
Ông Nguyễn Thanh Bình	7,21%	50.000.000.000	0,072119	50.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	13,27%	92.005.790.000	0,132707	92.005.790.000
Các cổ đông khác	79,52%	551.293.490.000	0,795174	551.293.490.000
	100%	693.299.280.000	100%	693.299.280.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000

d) Cổ phiếu

	30/09/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.692.449.297	9.761.921.400
	15.692.449.297	9.761.921.400

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018 VND
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	3.245.818.182
Doanh thu bán hàng hóa	256.563.261.417	417.901.261.854
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.145.473.221	2.883.779.287
	262.708.734.638	424.030.859.323

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018
	VND	VND
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản đầu tư đã bán	-	3.264.000.000
Giá vốn của hàng hóa đã bán	252.139.508.551	401.165.545.660
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.428.925.510	16.309.578.620
	261.568.434.061	420.739.124.280

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	164.150.244	801.008.403
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	418.492.708	20.052.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	5.479.121.250
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.068.640	326.462.530
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
	596.711.592	6.626.644.183

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.197.314.477	19.678.344.468
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	1.014.832.517
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	19.759.160.526	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	742.689.520	3.083.745.360
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	667.650.102	-
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	37.744.176.652	(69.915.184.723)
Chi phí tài chính khác	-	77.000
	60.110.991.277	(46.138.185.378)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	77.966.021	366.974.055
Chi phí nhân công	2.023.151.089	861.657.881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	330.147.158	7.453.460.396
Thuế, phí, lệ phí	17.383.068	292.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(3.849.304.830)	14.661.267.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	542.337.677	2.277.685.806
Chi phí khác bằng tiền	4.183.805.124	497.407.871
	3.325.485.306	26.118.745.524

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(114.939.508.618)	51.766.126.655
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(114.939.508.618)	51.766.126.655
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	69.329.928	69.329.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.658)	747

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm 2018, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 09 tháng đầu năm 2018 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018.



Bùi Thái Huyền
Người lập



Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số:0210/2019/PKT

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
*****oOo*****

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2019

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2019 đến ngày 30/09/2019 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQ HĐKD hợp nhất của Công ty lỗ 65,766 tỷ đồng, giảm 164,710 tỷ đồng so với quý III/2018. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý III/2019 của Công ty đạt 262,708 tỷ đồng, giảm 161,322 tỷ đồng tương ứng giảm 38,04% so với quý III/2018. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 6,030 tỷ đồng so với quý III/2018. Thu nhập khác tăng 1,753 tỷ đồng so với quý III/2018.
- Tổng giá vốn hàng bán giảm 159,170 tỷ đồng, tương ứng giảm 37,83% so với Quý III/2018. Chi phí tài chính tăng 106,249 tỷ đồng tương ứng tăng 230,28% so với quý III/2018 do trong quý III/2019 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP DAP-VINACHEM và giao dịch giảm giá cổ phiếu Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long. Chi phí khác tăng 0,273 tỷ so với quý III/2018. Thu nhập khác tăng 1,753 tỷ đồng.

Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế quý III/2019 giảm 164,710 tỷ đồng tương ứng giảm 318,12% so với quý III/2018.



Handwritten signature or mark in blue ink.

Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính
giải trình lên HOSE và UBCKNN về số liệu lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả
kinh doanh hợp nhất của quý III/2019 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thanh Hương

